

Name:

Reading:

Class: S3...

Submission date:/..../....



MEALTIME - GRAMMAR & FLYERS READING

CAMBRIDGE READING PRACTICE

Part 2

– 5 questions –

Helen is talking to a man about his castle. What does the man say?

Read the conversation and choose the best answer.

Write a letter (A–H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

Example



Helen:

Please can I ask you some questions about
your castle? It's for my homework.



Man:

C

Questions



1 Helen:

Your castle is lovely! Have you lived here for a
long time?



Man:

.....



2 Helen:

Does the castle have an interesting history?



Man:

.....



3 Helen:

Have you ever felt afraid in the castle?



Man:

.....



4 Helen:

Lots of people visit your home, don't they?



Man:

.....



5 Helen:

Who cleans the castle?



Man:

.....



- A** My wife and I do that for three hours a day. It's a big job.
- B** I came here when I was four or five years old.
- C** Of course you can. I'm happy to help. **(Example)**
- D** Only twice, when I heard strange sounds which I don't like.
- E** Me too. It's very quiet here because we live in the countryside.
- F** Oh yes! A famous queen lived here in the sixteenth century.
- G** I can't remember but it's very old.
- H** We enjoy having them here and learning about this important place.

Name:

Grammar:

Class: S3...

Reading:

Assignment date:/..../....

Mini test:

Submission date:/..../....



MEALTIME - GRAMMAR & FLYERS READING

A. GRAMMAR: Present continuous (Hiện tại tiếp diễn)

- Cách dùng:** Được sử dụng để diễn tả một sự việc hoặc hành động xảy ra ngay lúc chúng ta nói hoặc xung quanh thời điểm nói.
- Dấu hiệu nhận biết:**
 - Hành động đang diễn ra: now, right now, at the moment
 - Hành động diễn ra xung quanh thời điểm nói: this week, this month, today

	Công thức	Ví dụ
Positive (khẳng định)	I + am + V-ing. You / We / They + are + V-ing. He / She / It + is + V-ing.	- I am singing. (Tôi đang hát.) - He is dancing. (Anh ấy đang nhảy múa.)
Negative (phủ định)	I + am + not + V-ing. You / We / They + aren't + V-ing. He / She / It + isn't + V-ing.	- I am not singing. (Tôi đang không hát.) - They aren't dancing. (Họ đang không nhảy múa.)
Question (câu hỏi)	Am + I + V-ing? Is + he / she / it + V-ing? Are + you / we / they + V-ing? → Yes, S + am / is / are. → No, S + am not / isn't / aren't.	- Are they cooking? (Có phải họ đang nấu ăn không?) → Yes, they are. - Is he dancing? (Có phải anh ấy đang nhảy không?) → No, he isn't.

V: động từ nguyên mẫu; V-ing: động từ nguyên mẫu thêm ing; S = Subject: chủ ngữ.

Lưu ý	'm = am	's = is	're = are	isn't = is not	aren't = are not
-------	---------	---------	-----------	----------------	------------------

B. EXTRA VOCABULARY

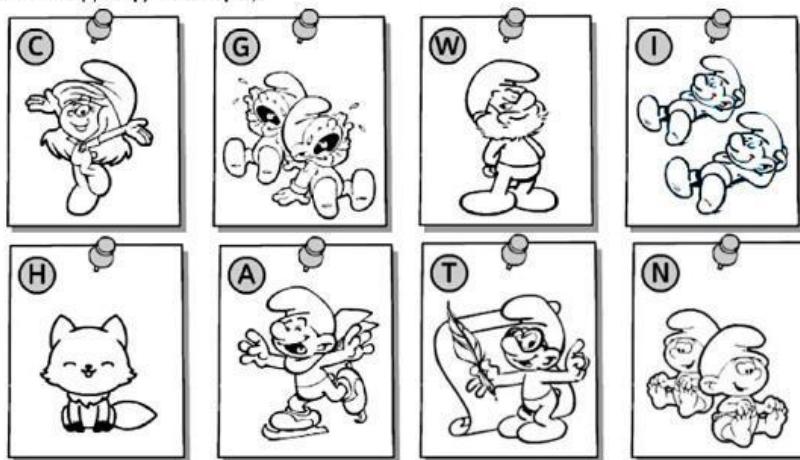
No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	skate (v)	trượt patin, trượt băng	3	relax (v)	thư giãn
2	hop (v)	nhảy lò cò			

*Note: v = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÒNG vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Look, read, and find the picture that matches the action in the sentence. From the letters of the pictures, find the secret message. (Nhìn, đọc và tìm tranh phù hợp với hành động trong câu. Từ các chữ cái của tranh tìm ra thông điệp bí mật.)



0. I am standing. <u>W</u> __	4. It is sitting. __
1. You are skating. __	5. We are relaxing. __
2. He is writing. __	6. You are sitting. __
3. She is hopping. __	7. They are crying. __

Now
complete
the secret
message!

I am w_____ you!

II. Choose the correct answer for each sentence. (Khoanh vào đáp án đúng cho từng câu.)

0. Are / Is you watching TV?

1. Is / Are he dancing? - No, he is / isn't.
2. Is / Are they cooking? - Yes, they are / aren't.
3. Am / Are I singing a song? - Yes, you aren't / are.
4. Is / Are she writing a book? - Yes, she is / isn't.
5. Are / Is we going to Vietnam? - Yes, we aren't / are.

III. Make sentences in PRESENT CONTINUOUS. Use the verbs in the boxes.
(Hãy viết các câu ở thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN. Sử dụng các động từ trong khung.)



stay	sleep
eat a sandwich	listen to music
watch TV	read the news

0. They are staying in the living room.

1. The boy _____.
2. The cat _____.
3. The girl _____.
4. The dog _____.
5. The parents _____.

*** CAMBRIDGE READING PRACTICE ***

Part 2

– 5 questions –

Robert is talking to Helen. What do they say?

Read the conversation and choose the best answer.
Write a letter (A–H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

Example



Robert: Hello Helen. Where are you going?



Helen: D

Questions

1  **Robert:** Is it your birthday today?



Helen:

2  **Helen:** I'm going to get a new computer game.



Robert:

3  **Helen:** I haven't got many games. Have you?



Robert:

4  **Helen:** Which shop do you think is the best for computer games?



Robert:

5  **Helen:** Would you like to come with us?



Robert:



Helen: Of course!



- A** Yes lots! My favourite one's called 'Music Man'.
- B** Me too! Why don't you try them?
- C** OK, but I need to phone my parents first.
- D** To the shops with my dad. He's going to buy me a birthday present. **(Example)**
- E** No, it's next week.
- F** You could try the big new one in Swing Road.
- G** I love playing those, but it's difficult to stop sometimes.
- H** Sorry, I don't. He will be ready in 5 minutes.